TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình

2. Ông Hồ Đắc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 450/2023/TB-TLVA ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Tổ E, ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh N1, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Tổ E, ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương

Nguyên đơn bà Mai Thị N có mặt.

Bị đơn ông Trần Thanh N1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 10 năm 2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị N và ông Trần Thanh N1 chung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 12/02/2011. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau với nhau, bất đồng quan điểm và không có hạnh phúc, cuộc sống tẻ nhạt và mệt mỏi nên bà Mai Thị N quyết định làm đơn ly hôn với ông Trần Thanh N1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà N và ông N1 có 03 con chung tên Trần Trúc L, sinh ngày 31/12/2004; Trần Hoàng D, sinh ngày 30/11/2006 và Trần Yến N2, sinh ngày 09/9/2009. Bà Mai Thị N yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng D, cháu Trần Yến N2 và yêu cầu ông Trần Thanh N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cháu Trần Yến N2 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Đối với con chung tên Trần Trúc L hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Bị đơn ông Trần Thanh N1 thể hiện:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã tiến hành các thủ tục tố tụng như tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông Trần Thanh N1 biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Trần Thanh N1 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục cho đương sự.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà N và bị đơn ông N1 đăng ký kết hôn ngày 12/02/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Quá trình sống chung có 03 con chung. Hiện nay, cho rằng vợ chồng sống chung thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng đã rút đơn để bị đơn có thời gian thay đổi nên khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông N1.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng đầy đủ theo quy định nhưng bị đơn ông N1 vẫn không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Bị đơn ông N1 đang làm nghề tài xế, có thu nhập ổn định. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích của hôn nhân không đạt được (không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; bỏ mặc nhau, không có tình nghĩa vợ chồng). Về con chung, các con chung đều có nguyện vọng được sống cùng nguyên đơn bà N.

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Mai Thị N khởi kiện ông Trần Thanh N1 về việc ly hôn. Ông Trần Thanh N1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mai Thị N có mặt, bị đơn ông Trần Thanh N1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Mai Thị N và ông Trần Thanh N1 chung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 12/02/2011. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau với nhau, bất đồng quan điểm và không có hạnh phúc, cuộc sống tẻ nhạt và mệt mỏi nên bà Mai Thị N quyết định làm đơn ly hôn với ông Trần Thanh N1.

Tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; chung sống cùng nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau"*. Mặc dù trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thông báo 02 lần tạo điều kiện cho bị đơn ông Trần Thanh N1 hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng minh ông Trần Thanh N1 không muốn đoàn tụ gia đình cùng chung sống với nguyên đơn. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2024 của Tòa án đối với bà Mai Thị N xác định: Hiện hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay vì ông N1 đi làm không chăm lo cuộc sống gia đình. Ông N1 thường xuyên có hành vi chửi bới và xúc phạm đến bà Mai Thị N trước mặt của 03 người con và phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án đối với chính quyền ấp T, xã L thể hiện *"...do điều kiện kinh tế tài chính để chăm lo nuôi dạy con cái nên phát sinh mâu thuẫn tình cảm giữa bà N và ông N1 nêm đây cũng là nguyên nhân ly hôn..."*. Xét tình trạng hôn nhân gia đình của các đương sự không thể tiếp tục hàn gắn với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông N1 là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông N1 có 03 người con chung tên Trần Trúc L, sinh ngày 31/12/2004; Trần Hoàng D, sinh ngày 30/11/2006 và Trần Yến N2, sinh ngày 09/9/2009. Đối với con chung tên Trần Trúc L đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Hiện 02 người con chung tên Trần Hoàng D và Trần Yến N2 đang do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Trần Yến N2 đang học lớp 9 trường trung học cơ sở L1, còn cháu Trần Hoàng D đã nghỉ học từ lớp 7, đồng thời tại bản tự khai ngày 08/3/2024, hai cháu đều có nguyện vọng được chung sống với mẹ tên Mai Thị N, nếu ba mẹ yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao 02 con chung tên Trần Yến N2 và Trần Hoàng D cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con". Hiện nay phía ông N1 đang làm nghề tài xế xe chở củi, xe ben chở cát, đá vật liệu xây dựng với mức lương từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng. Do đó ông N1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Yến N2 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông Trần Thanh N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Hoàng D.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Mai Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn ông Trần Thanh N1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 21, 51, 53, 56, 81, 82, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị N đối với ông Trần Thanh N1 về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị N ly hôn với ông Trần Thanh N1.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Hoàng D, sinh ngày 30/11/2006 và Trần Yến N2, sinh ngày 09/9/2009 cho bà Mai Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông Trần Thanh N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Yến N2 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2024. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Thị N không yêu cầu ông Trần Thanh N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Hoàng D.

Kể từ ngày bà Mai Thị N có đơn yêu cầu thi ông Trần Thanh N1 không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền trên, thì hàng tháng ông Trần Thanh N1 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn thì bà Mai Thị N và ông Trần Thanh N1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Bà Mai Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009497 ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Ông Trần Thanh N1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Trần Hội, huyện Trần Văn Thới, tỉnh Cà Mau (Giấy CNKH số 16 ngày 12/02/2011);

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phan Xuân Nam